

Số: 115/KL-TTTX

Tỉnh Biên, ngày 17 tháng 6 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Núi Voi

Thực hiện Quyết định số 09/QĐ-TTTX ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chánh Thanh tra thị xã Tỉnh Biên về việc thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Núi Voi (UBND phường Núi Voi); từ ngày 11/4/2024, Đoàn thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã tiến hành thanh tra tại UBND phường Núi Voi.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 10/BC-ĐTT ngày 10/6/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra thị xã Tỉnh Biên kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Xã Núi Voi được chia tách địa giới hành chính từ thị trấn Chi Lăng (tại Nghị định số 119/2003/NĐ-CP ngày 17/10/2003 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) và có diện tích tự nhiên là 1.225 ha, dân số 1.250 hộ với 5.223 khẩu (trong đó dân tộc Khmer chiếm 8,99 % so với tổng dân số toàn xã); địa bàn xã được chia thành 03 ấp (ấp Núi Voi, ấp Mỹ Á và ấp Voi I); đến ngày 13/02/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XV thông qua Nghị quyết số 721/NQ-UBTVQH15 về việc thành lập thị xã Tỉnh Biên và các phường thuộc thị xã Tỉnh Biên có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/4/2023.

- Đảng ủy phường Núi Voi có 09 Chi bộ trực thuộc, với 176 Đảng viên (trong đó 168 Đảng viên chính thức và 08 Đảng viên dự bị).

- UBND phường Núi Voi có 32 cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách (trong đó 20 cán bộ, công chức và 12 người hoạt động không chuyên trách).

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong kỳ thanh tra:

+ Bà Châu Thị Thu Thủy, Bí thư Đảng ủy xã Núi Voi; lãnh đạo, điều hành từ ngày 18/12/2019 đến ngày 09/09/2021 (Quyết định số 644 ngày 18/12/2019 của Ban Tổ chức huyện Tỉnh Biên về việc điều động bà Châu Thị Thu Thủy, Bí thư huyện Đoàn Tỉnh Biên về nhận nhiệm vụ tại Đảng bộ xã Núi Voi và Quyết định số 9062/QĐ-UBND ngày 09/09/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tỉnh Biên về việc điều động bà Châu Thị Thu Thủy, Bí thư Đảng ủy xã Núi Voi về nhận nhiệm vụ tại Hội LHPN thị xã Tỉnh Biên).

+ Ông Đỗ Minh Sang, Bí thư Đảng ủy xã Núi Voi; lãnh đạo, điều hành từ ngày 09/9/2021 đến 30/9/2022 (Quyết định số 139/QĐ/HU ngày 09/09/2021 của Huyện ủy Tịnh Biên về việc điều động ông Đỗ Minh Sang Bí thư Huyện đoàn đến nhận nhiệm vụ tại Đảng bộ Phường Núi Voi; Quyết định số 9063/QĐ-UBND ngày 09/09/2021 của UBND huyện Tịnh Biên về việc tiếp nhận ông Đỗ Minh Sang BT huyện Đoàn đến nhận nhiệm vụ tại Đảng ủy, UBND xã Núi Voi; Quyết định số 2200-QĐ/TU ngày 30/09/2022 của Tỉnh ủy An Giang về việc điều động Cán bộ Đỗ Minh Sang, Bí thư Đảng ủy xã Núi Voi, huyện Tịnh Biên đến Cơ quan tỉnh Đoàn thực hiện nhiệm vụ Phó Bí thư Tỉnh Đoàn; Quyết định số 2697/QĐ-TWĐTN-BTC ngày 30/9/2022 của BCH Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh về việc công nhận Phó Bí thư Tỉnh Đoàn An Giang, khóa X, nhiệm kỳ 2017-2022).

+ Ông Nguyễn Văn Dương, Bí thư Đảng ủy xã Núi Voi; lãnh đạo, điều hành từ ngày 01/11/2022 đến thời điểm công bố quyết định thanh tra (Quyết định số 5686/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động cán bộ, công chức cấp xã đối với ông Nguyễn Văn Dương, Bí thư Đảng ủy xã Tân Lập đến nhận nhiệm vụ tại Đảng bộ xã Núi Voi theo Kết luận của Ban thường vụ Huyện ủy Tịnh Biên).

+ Bà Thái Thị Điềm, Chủ tịch UBND xã Núi Voi; lãnh đạo, điều hành từ ngày 09/7/2021 đến ngày 19/4/2022 (Quyết định số 2894/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND huyện Tịnh Biên về việc phê chuẩn kết quả bầu CT UBND xã Núi Voi khóa V, nhiệm kỳ 2021-2026 và Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động cán bộ, công chức cấp xã đối với bà Thái Thị Điềm, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Núi Voi đến nhận nhiệm vụ tại Đảng bộ xã Tân Lợi theo Kết luận của Ban thường vụ Huyện ủy Tịnh Biên).

+ Ông Nguyễn Văn Thái, Chủ tịch xã Núi Voi; lãnh đạo, điều hành từ ngày 19/4/2022 đến thời điểm công bố quyết định thanh tra (Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động cán bộ, công chức cấp xã đối với ông Nguyễn Văn Thái, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Núi Voi đến nhận nhiệm vụ tại Đảng bộ xã Núi Voi theo Kết luận của Ban thường vụ Huyện ủy Tịnh Biên).

- Công tác quán triệt, chỉ đạo thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được Đảng ủy, UBND phường Núi Voi quan tâm thực hiện; trong đó, chú trọng công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng (PCTN), nhằm nâng cao ý thức chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTN, không phát sinh tiêu cực, sai phạm phải xử lý.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các văn bản của các cấp có thẩm quyền về công tác PCTN, TC

1.1. Việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác PCTN, TC

Căn cứ quy định của pháp luật về PCTN, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác PCTN, TC của cấp có thẩm quyền; UBND phường Núi Voi xây

dựng, triển khai thực hiện các Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 19/01/2021 của UBND xã Núi Voi (*Nay là phường Núi Voi*) về việc phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 và Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 21/01/2022 của UBND xã Núi Voi về việc phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022.

1.2. Việc xây dựng, triển khai thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác PCTN, TC

Thực hiện Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 04/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên (*Nay là thị xã Tịnh Biên*) về việc thực hiện Đề án tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN năm 2021; Kế hoạch số 2368/KH-UBND ngày 28/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc thực hiện Đề án tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN năm 2022; UBND phường Núi Voi tổ chức phổ biến, tuyên truyền, triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND huyện, bên cạnh còn phối hợp với Phòng Tư pháp tuyên truyền, giáo dục pháp luật về PCTN, TC tại UBND phường bằng hình thức phát hành thư mời hội nghị được 06 cuộc với 170 lượt người tham dự; ngoài ra còn tuyên truyền qua Đài truyền thanh của phường được 16 lượt với thời lượng là 80 phút.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng theo quy định (*Một số nội dung cơ bản quy định tại Chương II Luật PCTN năm 2018*)

2.1. Việc thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của UBND phường Núi Voi (*Một số nội dung cơ bản quy định tại Điều 9, 10, 11 và 12 Luật PCTN năm 2018*)

Ủy ban nhân dân phường Núi Voi niêm yết công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động theo quy định; kết quả, đã niêm yết công khai 40 văn bản của 11 danh mục hành chính thuộc thẩm quyền, nội dung chi tiết **Phụ lục I** kèm theo.

2.2. Việc xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

2.2.1. Việc xây dựng, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công

Ủy ban nhân dân phường Núi Voi xây dựng, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định, cụ thể:

- Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 của UBND xã Núi Voi về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 và Quyết định số 02/QĐ/UBND ngày 05/01/2021 của UBND xã Núi Voi về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2021.

- Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 của UBND xã Núi Voi về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022 và Quyết định số 02/QĐ/UBND ngày 05/01/2022 của UBND xã Núi Voi về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2022.

2.2.2. Công tác quản lý, sử dụng tài chính ngân sách, tài sản công và các hoạt động tài chính khác theo quy định

- Tổng số thu ngân sách năm 2021, năm 2022 là 14.687.391.021 đồng/11.975.000.000 đồng, đạt bình quân 122,65% so với dự toán giao, trong đó:

STT	NỘI DUNG	Cộng	Năm ngân sách		Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	
1	2	3 = 4 + 5	4	5	6
	Đạt tỷ lệ %	122,65	135,62	110,53	
I	Dự toán giao	11.975.000.000	5.785.000.000	6.190.000.000	
II	Thực hiện	14.687.391.021	7.845.751.775	6.841.639.246	
1	Thu cân đối ngân sách	1.037.292.195	534.846.695	502.445.500	
	Các khoản thu 100%	829.430.500	445.764.500	383.666.000	
	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	207.861.695	89.082.195	118.779.500	
2	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	205.510.677	163.865.327	41.645.350	
3	Thu kết dư ngân sách năm trước	434.037.237	239.648.753	194.388.484	
4	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	13.010.550.912	6.907.391.000	6.103.159.912	
	Dự toán giao đầu năm	10.809.000.000	5.257.000.000	5.552.000.000	
	Dự toán bổ sung trong năm	2.201.550.912	1.650.391.000	551.159.912	

Nội dung chi tiết các khoản thu **Phụ lục II, III** kèm theo.

- Tổng số chi ngân sách năm 2021, năm 2022 là 14.419.123.052 đồng/11.975.000.000 đồng, đạt bình quân 120,41% so với dự toán giao, trong đó:

STT	NỘI DUNG	Cộng	Năm ngân sách		Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	
1	2	3 = 4 + 5	4	5	6
	Đạt tỷ lệ %	120,41	132,26	109,33	
I	Dự toán	11.975.000.000	5.785.000.000	6.190.000.000	
II	Tổng số chi	14.419.123.052	7.651.363.291	6.767.759.761	
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	2.553.009.849	1.189.299.396	1.363.710.453	
2	Chi giáo dục và Đào tạo	37.656.000	18.228.000	19.428.000	
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			
4	Chi y tế	-			
5	Chi văn hóa, thông tin	41.474.700	18.000.000	23.474.700	
6	Chi phát thanh, truyền thanh	36.932.000	16.600.000	20.332.000	
7	Chi thể dục, thể thao	29.426.500		29.426.500	
8	Chi bảo vệ môi trường	119.570.000	49.670.000	69.900.000	
9	Chi các hoạt động kinh tế	-			

10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	9.608.675.821	4.907.906.243	4.700.769.578	
11	Chi cho công tác xã hội	1.853.803.247	1.410.014.302	443.788.945	
12	Chi khác	-			
13	Dự phòng	-			
14	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	138.574.935	41.645.350	96.929.585	

Nội dung chi tiết các khoản chi **Phụ lục IV** kèm theo.

2.2.3. Việc công khai tài chính, ngân sách

Ủy ban nhân dân phường Núi Voi thực hiện việc công khai tài chính, ngân sách theo quy định, cụ thể:

- Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND xã Núi Voi về việc công khai dự toán ngân sách năm 2021 và Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 27/07/2022 của UBND xã Núi Voi về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2021 (*Quyết định kèm theo biểu mẫu quy định tại Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách*).

- Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND xã Núi Voi về việc công khai dự toán ngân sách năm 2022 và Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 26/07/2023 của UBND xã Núi Voi về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2022 (*Quyết định kèm theo biểu mẫu quy định tại Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách*).

- Ngoài ra, UBND phường Núi Voi lập tờ trình Hội đồng nhân dân phường xem xét, phê duyệt dự toán và quyết toán hàng năm theo quy định.

2.2.4. Việc quản lý và sử dụng tài sản công

Ủy ban nhân dân phường Núi Voi thực hiện công tác quản lý và sử dụng tài sản công theo quy định, cụ thể:

- Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND xã Núi Voi về việc thành lập Hội đồng kiểm kê, đánh giá tài sản năm 2021; Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND xã Núi Voi về việc kiểm kê tài sản công và Biên bản kiểm kê tài sản cố định, công cụ, dụng cụ ngày 01/01/2022.

- Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của UBND xã Núi Voi về việc thành lập Hội đồng kiểm kê, đánh giá tài sản năm 2022; Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 05/12/2022 của UBND xã Núi Voi về việc kiểm kê tài sản công và Biên bản kiểm kê tài sản cố định, công cụ, dụng cụ ngày 01/01/2023.

- Kết quả kiểm kê tài sản cố định và công cụ, dụng cụ:

STT	NỘI DUNG	Sổ sách kế toán		Kết quả kiểm kê		Ghi chú
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
1	2	3	4	5	6	7

I	Năm 2021	11.160.967.750	8.777.679.762	11.160.967.750	8.777.679.762	
1	Tài sản cố định	10.718.673.750	8.777.679.762	10.718.673.750	8.777.679.762	
2	Công cụ, dụng cụ	442.294.000		442.294.000		
II	Năm 2022	11.203.119.750	8.618.256.172	11.203.119.1750	8.618.256.172	
1	Tài sản cố định	10.749.465.750	8.618.256.172	10.749.465.750	8.618.256.172	
2	Công cụ, dụng cụ	453.654.000		453.654.000		

2.2.5. Việc quản lý và sử dụng nguồn nhân dân tự nguyện đóng góp
(Các hoạt động tài chính khác)

a) Công tác thành lập, củng cố các Ban vận động Quỹ “Vì người nghèo”

Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam xã Núi Voi thực hiện công tác thành lập, củng cố Ban vận động Quỹ “Vì người nghèo” và kế hoạch vận động, phân phối các nguồn quỹ nhân dân tự nguyện đóng góp theo quy định, cụ thể:

- Quyết định số 02/QĐ-MT-BTT ngày 01/01/2021 của UBMTTQVN xã Núi Voi về việc thành lập Ban vận động Quỹ “Vì người nghèo”.

- Quyết định số 20/QĐ-MTTQ-BTT ngày 01/01/2021 của UBMTTQVN xã Núi Voi về việc thành lập Ban vận động, tiếp nhận và phân phối Quỹ phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

- Quy chế số 06/QC-MT-BTT ngày (không có)/01/2021 của UBMTTQVN xã Núi Voi về việc vận động, quản lý và sử dụng Quỹ “Vì người nghèo”.

- Quyết định số 05/QĐ-MT-BTT ngày 18/8/2022 của UBMTTQVN xã Núi Voi về việc củng cố Ban vận động Quỹ “Vì người nghèo”.

- Quy chế số 08/QC-MT-BTT ngày 18/8/2022 của UBMTTQVN xã Núi Voi về việc vận động, quản lý và sử dụng Quỹ “Vì người nghèo”.

- Kế hoạch số 05/KH-MTTQ-BTT ngày 05/01/2022 của UBMTTQVN xã Núi Voi về việc tổ chức vận động Quỹ “Vì người nghèo”.

b) Công tác quản lý và sử dụng nguồn nhân dân tự nguyện đóng góp

- Tổng số thu, chi nguồn nhân dân tự nguyện đóng góp năm 2021, 2022 là 1.784.804.000 đồng (Quà quy ra thành tiền do mạnh thường quân trực tiếp cấp phát cho người nghèo), trong đó:

+ Quỹ “Vì người nghèo”: 1.358.280.000 đồng.

+ Quỹ phòng, chống dịch bệnh Covid-19: 426.524.000 đồng, gồm có:

STT	NỘI DUNG	Nguồn vận động nhân dân đóng góp			Ghi chú
		Cộng	Năm 2021	Năm 2022	
1	2	3 = 4 + 5	4	5	6
	Cộng	1.784.804.000	899.604.000	885.200.000	
1	Quỹ “Vì người nghèo”	1.358.280.000	473.080.000	885.200.000	
2	Quỹ “Phòng, chống dịch bệnh Covid-19”	426.524.000	426.524.000		

- Về chứng từ, sổ sách kế toán:
 - + Tệp hồ sơ, chứng từ gồm có: Giấy cảm tạ, Quyết định phân bổ quỹ và Bảng kê chi tiền hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn.
 - + Sổ Quỹ tiền mặt Quỹ “Vì người nghèo” năm 2021, 2022 (*Không phát sinh nghiệp vụ thu - chi Quỹ tiền mặt*).
 - + Sổ thu hoạt động Quỹ “Vì người nghèo” năm 2021, năm 2022.
 - + Sổ chi hoạt động Quỹ “Vì người nghèo” năm 2021, năm 2022.
 - + Sổ thu hoạt động Quỹ phòng, chống Covid-19 năm 2021; Sổ chi hoạt động Quỹ phòng, chống Covid-19 năm 2021.

c) Báo cáo kết quả thực hiện vận động Quỹ “Vì người nghèo”

- Báo cáo số 30/BC-MTTQ-BTT ngày 22/9/2021 của UBMTTQVN xã Núi Voi về việc kết quả công tác Mặt trận năm 2021 và nhiệm vụ trọng tâm công tác cuối năm 2022.
- Báo cáo số 41/BC-MTTQ-BTT ngày 30/12/2022 của UBMTTQVN xã Núi Voi về việc kết quả công tác Mặt trận năm 2022 và nhiệm vụ trọng tâm công tác cuối năm 2023.

2.3. Việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn (Một số nội dung cơ bản quy định tại Điều 20, 21 Luật PCTN năm 2018)

- Ủy ban nhân dân phường Núi Voi xây dựng và triển khai thực hiện Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND phường Núi Voi về việc ban hành Bộ Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị trên địa bàn phường Núi Voi.

- Việc thực hiện Quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn, chưa phát sinh sai phạm phải xử lý.

2.4. Việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn (Một số nội dung cơ bản quy định tại Điều 24, 25 và 26 Luật PCTN năm 2018)

- Công văn số 4945/UBND-NV ngày 12/8/2021 của UBND huyện Tịnh Biên (*Nay là thị xã Tịnh Biên*) về việc thực hiện định kỳ chuyển đổi đối với các chức danh công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (*Có danh sách kèm theo*), trong đó: ông Phạm Văn Đạt, Công chức Địa chính, Nông nghiệp, Xây dựng, Môi trường của UBND xã Tân Lợi chuyển đổi vị trí công tác đến UBND phường Núi Voi và Phạm Thanh Hiền, Công chức Địa chính, Nông nghiệp, Xây dựng, Môi trường của UBND phường Núi Voi chuyển đổi vị trí công tác đến UBND xã Tân Lợi.

- Thực hiện Kế hoạch số 3171/KH-UBND ngày 07/6/2022 của UBND huyện Tịnh Biên về việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trên địa bàn huyện Tịnh Biên năm 2022, UBND phường Núi Voi triển khai thực hiện công tác rà soát, lập danh sách công chức thuộc diện phải chuyển đổi vị trí công tác theo quy định.



- Kết quả thực hiện:

Trong kỳ thanh tra có tổng cộng 17 quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, tiếp nhận cán bộ, công chức năm 2021, 2022, trong đó:

STT	NỘI DUNG	Quyết định của cơ quan có thẩm quyền			Ghi chú
		Cộng	Năm 2021	Năm 2022	
1	2	3 = 4 + 5	4	5	6
	Cộng	17	9	8	
1	Quyết định điều động công chức (chuyển đổi vị trí công tác) và tiếp nhận công chức không qua thi tuyển	7	4	3	
2	Quyết định luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ, công chức	10	5	5	

Nội dung chi tiết **Phụ lục V** kèm theo.

2.5. Việc thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, thanh toán không dùng tiền mặt (Một số nội dung cơ bản quy định tại Điều 27, 28 và 29 Luật PCTN năm 2018)

- UBND phường Núi Voi ban hành văn bản chỉ đạo điều hành thực hiện công tác cải cách hành chính thuộc thẩm quyền (Trong đó có các Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 27/01/2021 của UBND phường Núi Voi về việc tổ chức hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021; Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 26/02/2021 của UBND phường Núi Voi về hoạt động rà soát quy định thủ tục hành chính năm 2021; Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 26/02/2021 của UBND phường Núi Voi về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 24/02/2022 của UBND phường Núi Voi về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 24/02/2022 của UBND phường Núi Voi về việc tổ chức hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 và Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 24/02/2022 của UBND phường Núi Voi về hoạt động rà soát quy định thủ tục hành chính năm 2022).

- Thực hiện việc niêm yết công khai văn bản pháp luật tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) của UBND phường Núi Voi (Trong đó có lĩnh vực đất đai 06 văn bản, lĩnh vực xây dựng 06 văn bản, lĩnh vực tư pháp, hộ tịch 09 văn bản,...); đồng thời, thực hiện công tác cải cách hành chính theo quy định, cụ thể là việc triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin (Kết nối internet tốc độ cao) trong chỉ đạo, điều hành, đáp ứng yêu cầu việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính; cập nhật, quản lý hồ sơ trên các phần mềm (Phần mềm quản lý văn bản; phần mềm quản lý cán bộ công chức); tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử đạt 99,22% (Số văn bản đi ghi nhận trong số lưu văn bản là 1.027 văn bản, số văn bản đi được gửi trên phần mềm VNPT ioffice: 1.019 văn bản); thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đạt tỷ lệ 100%; cán bộ, công chức, người hoạt

động không chuyên trách đều được cấp tài khoản trên phần mềm Văn phòng điện tử VNPT iOffice (18/18), từ đó các văn bản đều được trao đổi trên phần mềm, góp phần giải quyết nhanh chóng, hiệu quả công việc; tỷ lệ văn bản được ký số khi phát hành đạt tỷ lệ 98,33% (1.002/1.019 văn bản). Ngoài ra, còn sử dụng các phần mềm chuyên ngành như phần mềm hộ tịch, địa chính, bảo hiểm, thuế, kế toán, phần mềm báo cáo quốc gia, phần mềm họp trực tuyến VNPT meeting... người sử dụng đều được tập huấn nghiệp vụ, đảm bảo vận hành tốt các phần mềm; bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin tham gia đào tạo các lớp nghiệp vụ về tin học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trong năm 2022, UBND phường được giao thực hiện 08 mục tiêu, tiêu chí, nhiệm vụ hoàn thiện Chính quyền điện tử năm 2022 và đã thực hiện đạt 08/08 tiêu chí, đạt tỷ lệ 100%.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (*Bộ phận một cửa*) của UBND phường Núi Voi đã tiếp nhận và giải quyết tổng số 10.300 hồ sơ yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính (*Trong đó, năm 2021 tiếp nhận, giải quyết 4.745 hồ sơ và năm 2022 tiếp nhận, giải quyết 5.555 hồ sơ*), trong đó có 9.079 hồ sơ một cửa liên thông (*Trong đó, năm 2021 tiếp nhận, giải quyết 3.901 hồ sơ và năm 2022 tiếp nhận, giải quyết 5.178 hồ sơ*). Riêng, trong năm 2022 đã giải quyết được 2.880 hồ sơ trực tuyến/5.555 hồ sơ đã giải quyết.

- Ủy ban nhân dân phường Núi Voi tiếp tục duy trì thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về trả lương qua tài khoản cho đối tượng hưởng lương từ ngân sách và triển khai thực hiện 100% cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách được thực hiện việc thanh toán, trả lương qua tài khoản.

2.6. Việc thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập

- Thực hiện quy định của pháp luật về minh bạch tài sản, thu nhập và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện của các cấp có thẩm quyền; UBND phường Núi Voi xây dựng Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 12/3/2021 của UBND phường Núi Voi về việc thực hiện kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu (*Năm 2020*) và Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 20/12/2022 của UBND phường Núi Voi về việc thực hiện kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập hàng năm (*Năm 2022*); đồng thời, triển khai thực hiện theo quy định.

- Kết quả thực hiện:

+ Số người phải kê khai và đã kê khai tài sản, thu nhập:

Số người phải kê khai và đã kê khai tài sản, thu nhập lần đầu (*Năm 2020*) là 20 người.

Số người phải kê khai và đã kê khai tài sản, thu nhập năm 2021 (kê khai hàng năm) là 19 người.

Số người phải kê khai và đã kê khai tài sản, thu nhập năm 2022 (*Kê khai hàng năm*) là 21 người.

+ Hình thức công khai bản kê khai tài sản, thu nhập:

Tổ chức họp công khai bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu (*Năm 2020*) và năm 2021.

Niên yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2022, trong đó:

STT	NỘI DUNG	Người có nghĩa vụ kê khai TSTN			Ghi chú
		Cộng	Thẩm quyền kiểm soát TSTN của Ủy ban Kiểm tra Thị ủy	Thẩm quyền kiểm soát TSTN của Thanh tra tỉnh	
1	2	3	4	5	6
1	Số người phải kê khai và đã kê khai TSTN				
	Số người phải kê khai và đã kê khai TSTN lần đầu (<i>năm 2020</i>)	20		20	
	Số người phải kê khai và đã kê khai TSTN hàng năm (<i>năm 2021</i>)	24	5	19	
	Số người phải kê khai và đã kê khai TSTN hàng năm (<i>năm 2022</i>)	27	6	21	
2	Hình thức công khai bản kê khai TSTN				
	Công khai bản kê khai TSTN lần đầu (<i>năm 2020</i>)		Họp công khai	Họp công khai	
	Công khai bản kê khai TSTN hàng năm (<i>năm 2021</i>)		Họp công khai	Họp công khai	
	Công khai bản kê khai TSTN hàng năm (<i>năm 2022</i>)		Niêm yết	Niêm yết	

- Ủy ban nhân dân phường Núi Voi thực hiện công tác lưu giữ, quản lý các bản kê khai tài sản, thu nhập tại UBND phường theo quy định.

2.7. Về việc xử lý và giải quyết phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng

Trong thời kỳ thanh tra, UBND phường Núi Voi không phát sinh việc tiếp nhận, xử lý và giải quyết đơn, thư khiếu nại tố cáo thuộc thẩm quyền.

2.8. Việc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, các quyết định xử lý và việc chấp hành chỉ đạo của cấp trên về công tác PCTN

Trong thời kỳ thanh tra (*Năm 2021, 2022*), UBND phường không phát sinh việc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, các quyết định xử lý và việc chấp hành chỉ đạo của cấp trên về công tác PCTN; tuy nhiên, UBND phường đã và đang tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra số 6378/KL-UBND ngày 28/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc chấp hành pháp luật đất đai về quản lý, sử dụng đất công đối với UBND xã Núi Voi. Theo Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 29/12/2023 của UBND phường Núi Voi về kết quả thực hiện Kết luận thanh tra số 6378/KL-UBND ngày 28/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên (*Báo cáo lần 5*), trong đó UBND phường Núi Voi đã thực hiện được 03/14 kiến nghị (*Niêm yết kết luận thanh tra, tổ chức họp kiểm điểm rút kinh nghiệm và lập tờ trình xin chủ trương phục hồi mốc ranh*), còn lại 11/14 kiến nghị đang thực hiện theo tiến

độ công việc liên quan đến hồ sơ đo đạc, bồi thường, thu hồi đất, cho thuê đất...; đến ngày 21/5/2024, Đoàn thanh tra làm việc với UBND phường Núi Voi báo cáo tiến độ đã thực hiện được 07/11 kiến nghị (*Số kiến nghị còn lại*), số kiến nghị tiếp tục thực hiện là 04/11 kiến nghị và đang phối hợp với các cơ quan chuyên môn thực hiện theo tiến độ công việc thuộc thẩm quyền.

2.9 Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất về công tác phòng, chống tham nhũng

- Ủy ban nhân dân phường Núi Voi thực hiện công tác báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất về công tác PCTN, TC theo quy định, trong đó:

+ Năm 2021 thực hiện 02 báo cáo.

+ Năm 2022 thực hiện 19 báo cáo.

Nội dung chi tiết **Phụ lục VI** kèm theo.

III. KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được

Ủy ban nhân dân phường Núi Voi tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đạt kết quả khá tốt, đúng mục đích, yêu cầu nhiệm vụ được giao; tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện còn một số hạn chế, thiếu sót nhất định.

2. Hạn chế, thiếu sót

2.1. Việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác PCTN, TC

Kế hoạch phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021, năm 2022 của UBND phường Núi Voi căn cứ Luật PCTN năm 2005, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2005 hết hiệu lực thi hành.

2.2. Việc công khai tài chính, ngân sách

Hội đồng nhân dân xã Núi Voi ban hành Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 là không hợp lý (*Lý do Nghị quyết phê chuẩn dự toán chỉ sau một ngày quyết định giao dự toán của UBND huyện Tịnh Biên tại Quyết định số 5197/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021*) và chưa đúng kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã Núi Voi.

2.3. Việc quản lý và sử dụng nguồn nhân dân tự nguyện đóng góp (Các hoạt động tài chính khác)

- Quy chế số 06/QC-MT-BTT của UBMTTQVN xã Núi Voi về việc vận động, quản lý và sử dụng Quỹ “Vì người nghèo” chưa có quyết định ban hành quy chế này và quy chế này được ban hành tại Quyết định số 02/QĐ-MT-BTT ngày 01/01/2021 của UBMTTQVN xã Núi Voi về việc củng cố Ban vận động Quỹ “Vì người nghèo” năm 2021 là chưa đúng quy định (*Bên cạnh, quy chế chưa ghi ngày*).

- Quy chế số 08/QC-MT-BTT của UBMTTQVN xã Núi Voi về việc vận động, quản lý và sử dụng Quỹ “Vì người nghèo” chưa có quyết định ban hành quy chế và quy chế này được ban hành tại quyết định số 05/QĐ-MT-BTT ngày



18/8/2022 của UBMTTQVN xã Núi Voi về việc củng cố Ban vận động Quỹ “Vì người nghèo” là chưa đúng quy định. Ngoài ra, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế khi đơn vị thay đổi Chủ tài khoản là không đúng quy định (*Quy chế chỉ sửa đổi, bổ sung khi có sự thay đổi, điều chỉnh, bổ sung các điều khoản được quy định trong Quy chế hoặc có thay đổi về quy định của pháp luật mới ban hành*).

- Về chứng từ và sổ sách kế toán:

+ Một số chứng từ kế toán thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 4 Thông tư số 103/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ “Vì người nghèo” (*Một số chứng từ và Bảng kê chi tiền hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo không có chữ ký nhận của người được hỗ trợ và chưa đóng dấu đơn vị*).

+ Sổ sách kế toán thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 6 Thông tư số 103/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ “Vì người nghèo” (*Việc cập nhật, ghi sổ sách kế toán phải cập nhật hàng tháng trong năm. Nếu không có phát sinh, ghi cụ thể không có phát sinh. Trong năm 2021: Sổ thu - chi Quỹ Vì người nghèo của đơn vị Ủy ban MTTQ Việt Nam phường Núi Voi chỉ cập nhật tháng 01, tháng 02 và tháng 06 là không đúng*).

+ Một số giấy Cảm tạ của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Núi Voi ghi không cụ thể tên đơn vị hỗ trợ và địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã ủng hộ.

2.4. Việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND phường Núi Voi căn cứ pháp lý chưa đúng văn bản quy định (*Quyết định căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-TTCP ngày 11/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Thanh tra và cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân*) và Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND phường Núi Voi có căn cứ Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ, nhưng chưa xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Đề án Văn hóa công vụ của đơn vị mình (*Đảng ủy xã*) theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ.

2.5. Việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn (*Một số nội dung cơ bản quy định tại Điều 24, 25 và 26 Luật PCTN năm 2018*)

Ủy ban nhân dân phường Núi Voi triển khai thực hiện việc rà soát và lập Danh sách công chức thuộc diện phải chuyển đổi vị trí công tác theo Kế hoạch số 3171/KH-UBND ngày 07/6/2022 của UBND huyện Tịnh Biên về việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trên địa bàn huyện Tịnh Biên năm 2022; tuy nhiên, việc lập Danh sách công chức thuộc diện phải chuyển đổi vị trí công tác chưa xác định đúng đối tượng phải thực hiện.

2.6. Việc thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập

- Sổ theo dõi giao, nhận bản kê khai tài sản, thu nhập chưa có chữ ký của người giao bản kê khai tài sản, thu nhập.

- Chưa xác định đúng người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (*đối tượng*) theo quy định.

- Một số bản kê khai tài sản, thu nhập ghi chưa đầy đủ thông tin về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

- Một số Bản kê khai ghi chưa đầy đủ thông tin theo mẫu biểu quy định.

2.7. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất về công tác phòng, chống tham nhũng

Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo công tác PCTN, TC chưa đúng quy định (*năm 2021 chỉ thực hiện 02 báo cáo*).

IV. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Ủy ban nhân dân thị xã có văn bản chỉ đạo:

1. Đảng ủy phường Núi Voi

Đảng ủy phường Núi Voi nghiên cứu và tổ chức thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ.

2. Hội đồng nhân dân phường Núi Voi

Rút kinh nghiệm trong công tác phê chuẩn dự toán hoặc quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm của UBND phường Núi Voi (*khoa học, chặt chẽ hơn*).

3. Ủy ban nhân dân phường Núi Voi

3.1. Chấn chỉnh, khắc phục hạn chế, thiếu sót, cụ thể sau:

- (1) Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND phường Núi Voi căn cứ pháp lý chưa đúng văn bản quy định (*Quyết định căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-TTCP ngày 11/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Thanh tra và cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân*).

- (2) Việc thực hiện quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập:

+ Chưa xác định đúng người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (*Đối tượng*) theo quy định.

+ Một số bản kê khai tài sản, thu nhập ghi chưa đầy đủ thông tin về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

+ Một số Bản kê khai tài sản, thu nhập ghi chưa đầy đủ thông tin theo mẫu biểu quy định.

+ Sổ theo dõi giao, nhận bản kê khai tài sản, thu nhập chưa có chữ ký của người giao bản kê khai tài sản, thu nhập.



3.2. Rút kinh nghiệm đối với hạn chế, thiếu sót, cụ thể sau:

- (1) Thực hiện việc công khai tài chính, ngân sách hàng năm có khoa học, chặt chẽ hơn (*Lập tờ trình công khai tài chính, ngân sách vào các kỳ họp của Hội đồng nhân dân theo quy định*).

- (2) Thực hiện việc rà soát và lập Danh sách công chức thuộc diện phải chuyển đổi vị trí công tác đúng quy định của pháp luật, văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và đối tượng phải thực hiện.

3.3. Kiểm điểm rút kinh nghiệm các cá nhân có liên quan đến hạn chế, thiếu sót, cụ thể sau:

- (1) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất về công tác phòng, chống tham nhũng, chưa đúng quy định (*năm 2021 chỉ thực hiện được 02 báo cáo*).

- (2) Việc thực hiện quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập, chưa đúng quy định (*Chưa xác định đúng người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập; một số bản kê khai tài sản, thu nhập ghi chưa đầy đủ thông tin về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; một số Bản kê khai ghi chưa đầy đủ thông tin theo mẫu biểu quy định và số theo dõi giao, nhận bản kê khai tài sản, thu nhập chưa có chữ ký của người giao bản kê khai tài sản, thu nhập*).

3.4. Tổ chức cuộc họp rút kinh nghiệm trong việc thực hiện pháp luật về PCTN, TC đối với lãnh đạo, công chức của UBND phường có liên quan đến các hạn chế, thiếu sót qua thanh tra.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Núi Voi

Đề nghị UBMTTQVN phường Núi Voi thực hiện các nội dung sau:

- Chấn chỉnh, khắc phục các Quy chế chưa có quyết định ban hành quy chế và rút kinh nghiệm khi ban hành quy chế (*Quy chế chỉ sửa đổi, bổ sung khi có sự thay đổi, điều chỉnh, bổ sung các điều khoản được quy định trong Quy chế hoặc có thay đổi về quy định của pháp luật mới ban hành*).

- Rút kinh nghiệm về chứng từ và sổ sách kế toán:

+ Bảng kê chi tiền hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo phải có chữ ký nhận của người được hỗ trợ và chữ ký, con dấu của cá nhân, cơ quan có thẩm quyền.

+ Sổ sách kế toán thực hiện đúng quy định tại Điều 6 Thông tư số 103/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kê toán áp dụng cho Quỹ “Vì người nghèo” (*cập nhật, ghi sổ sách kế toán đúng quy định*).

+ Giấy Cảm tạ phải ghi rõ thông tin tên đơn vị hỗ trợ và địa chỉ của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã ủng hộ.

- Tổ chức cuộc họp rút kinh nghiệm trong việc lãnh đạo, điều hành và thực hiện công tác quản lý, sử dụng nguồn nhân dân tự nguyện đóng góp.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Thanh tra thị xã công khai kết luận thanh tra với hình thức đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND thị xã và tổ chức cuộc họp công bố kết luận thanh tra theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 79 Luật Thanh tra năm 2022.

- Ủy ban nhân dân phường Núi Voi niêm yết công khai kết luận thanh tra theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra (*UBND phường Núi Voi niêm yết công khai kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của cơ quan, trong thời gian 15 ngày liên tục*).

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công khai kết luận thanh tra, đối với những nội dung trong kết luận thanh tra mà chưa thực hiện được ngay (*nếu có*), thì Đảng ủy, HĐND, UBND và UBMTTQVN phường Núi Voi (*đối tượng thanh tra và cơ quan có liên quan*) phải xây dựng kế hoạch thực hiện kết luận thanh tra trình người có thẩm quyền, trong đó nêu rõ tiến độ và giải thích lý do theo quy định tại khoản 1 Điều 104 Luật Thanh tra năm 2022.

Ủy ban nhân dân phường Núi Voi báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra gửi đến UBND thị xã, Thanh tra thị xã trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày công bố kết luận thanh tra (*báo cáo tổng hợp chung các báo cáo kết quả thực hiện của đối tượng thanh tra và cơ quan có liên quan*).

- Thanh tra thị xã thực hiện việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật Thanh tra 2022.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đối với Chủ tịch UBND phường Núi Voi./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh An Giang (b/c);
- Thường trực Thị ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND thị xã (b/c);
- Đảng ủy, HĐND, UBMTTQVN, UBND phường Núi Voi;
- Đoàn Thanh tra;
- Lưu: VT; HSĐTT (TTVC.N), 05.



Nguyễn Thị Hiền



Phụ lục I

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 115/KL-TTXX
ngày 17/6/2024 của Chánh Thanh tra)

STT	DANH MỤC HÀNH CHÍNH	Số lượng văn bản niêm yết			Ghi chú
		Cộng	Năm 2021	Năm 2022	
1	2	3 = 4 + 5	4	5	6
	Cộng	40	18	22	
1	Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hàng năm của cấp xã.	6	3	3	
2	Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.	1	0	1	
3	Nhiệm vụ quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân.	2	1	1	
4	Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp.	4	2	2	
5	Chủ trương, kế hoạch vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất; trợ cấp xã hội; xây dựng nhà tình thương, cấp theo bảo hiểm y tế.	8	4	4	
6	Đề án thành lập mới, nhập, chia tách đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã.	1		1	
7	Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lát phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND.	0			
8	Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân theo quy định.	2		2	
9	Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.	4	2	2	
10	Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện.	6	3	3	
11	Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.	6	3	3	



Mẫu số 08
(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục II
TỔNG HỢP THU NGÂN SÁCH NĂM 2021, 2022
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 115/KL-TTXX ngày 17/6/2024 của Chánh Thanh tra)

Đơn vị: đồng.

STT	NỘI DUNG	Năm 2021			Năm 2022			Ghi chú
		Dự toán	Thực hiện	Đạt %	Dự toán	Thực hiện	Đạt %	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Cộng	5.785.000.000	7.845.751.775	135,62	6.190.000.000	6.841.639.246	110,53	
I	Các khoản thu 100%	420.000.000	445.764.500	106,13	530.000.000	383.666.000	72,39	
1	Phí, lệ phí	20.000.000	9.650.000	48,25	20.000.000	26.100.000	130,50	
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác							
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp							
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định							
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định							
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định							
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân							
8	Thu khác	400.000.000	436.114.500	109,03	510.000.000	357.566.000	70,11	
II	Các khoản phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	108.000.000	89.082.195	82,48	108.000.000	118.779.500	109,98	
1	Các khoản thu phân chia	108.000.000	89.082.195	82,48	108.000.000	118.779.500	109,98	
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					419.316		
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp từ hộ gia đình							
1.3	Lệ phí môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh	8.000.000	6.900.000	86,25	8.000.000	7.400.000	92,50	
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	100.000.000	82.182.195	82,18	100.000.000	110.960.184	110,96	
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	-	-		-	-		
2.1	Thu tiền sử dụng đất							
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước							
2.3	Thuế tài nguyên							

STT	NỘI DUNG	Năm 2021			Năm 2022			Ghi chú
		Dự toán	Thực hiện	Đạt %	Dự toán	Thực hiện	Đạt %	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2.4	Thuế giá trị gia tăng							
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp							
2.6	Thuế thu nhập cá nhân							
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt							
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)							
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		163.865.327			41.645.350		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		239.648.753			194.388.484		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.257.000.000	6.907.391.000	131,39	5.552.000.000	6.103.159.912	109,93	
	Bổ sung cân đối ngân sách	5.257.000.000	5.257.000.000	100,00	5.552.000.000	5.552.000.000	100,00	
	Bổ sung có mục tiêu		1.650.391.000			551.159.912		



Mẫu số 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục III

CHI TIẾT THU NGÂN SÁCH NĂM 2021, 2022

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 115/KL-TTTX ngày 17/6/2024 của Chánh thanh tra)

Đơn vị: đồng.

Chương	Mục	Tiểu mục	NỘI DUNG	Cộng	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5 = 6+7	6	7	8
			Cộng	14.687.391.021	7.845.751.775	6.841.639.246	
757			Hộ gia đình, cá nhân (thu từ hộ gia đình, cá nhân)	207.861.695	89.082.195	118.779.500	
	1600	1601	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (thu từ đất ở tại nông thôn)	419.316		419.316	
	2800	2801	Lệ phí trước bạ nhà đất	193.142.379	82.182.195	110.960.184	
	2850	2864	Lệ phí môn bài mức (bậc) 3	14.300.000	6.900.000	7.400.000	
805			Văn phòng Ủy ban nhân dân	812.152.000	443.750.000	368.402.000	
	2700	2716	Phí chứng thực	21.750.000	5.250.000	16.500.000	
	2750	2771	Lệ phí hộ tịch	14.000.000	4.400.000	9.600.000	
	4250		Thu tiền phạt	291.652.000	215.200.000	76.452.000	
		4252	<i>Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông</i>	<i>25.150.000</i>	<i>8.700.000</i>	<i>16.450.000</i>	
		4263	<i>Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an ninh, quốc phòng</i>	<i>63.451.000</i>	<i>17.975.000</i>	<i>45.476.000</i>	
		4299	<i>Phạt vi phạm khác</i>	<i>203.051.000</i>	<i>188.525.000</i>	<i>14.526.000</i>	
	4900	4949	Các khoản thu khác (phí chợ, phí bến bãi)	484.750.000	218.900.000	265.850.000	
809			Công an xã	15.778.500	2.014.500	13.764.000	
	4250	4252	<i>Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông</i>	<i>15.778.500</i>	<i>2.014.500</i>	<i>13.764.000</i>	
860			Các quan hệ khác của ngân sách	13.651.598.826	7.310.905.080	6.340.693.746	
	900		Nguồn năm trước chuyển sang năm nay (thu chuyển nguồn)	205.510.677	163.865.327	41.645.350	
		914	<i>Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước, các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi</i>	<i>205.211.920</i>	<i>163.846.570</i>	<i>41.365.350</i>	

Chương	Mục	Tiểu mục	NỘI DUNG	Cộng	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5 = 6+7	6	7	8
		915	<i>Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị dự toán trực thuộc</i>	298.757	18.757	280.000	
	4650		Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	13.010.550.912	6.907.391.000	6.103.159.912	
		4651	<i>Bổ sung cân đối ngân sách</i>	10.809.000.000	5.257.000.000	5.552.000.000	
		4654	<i>Bổ sung có mục tiêu bằng vốn trong nước</i>	2.201.550.912	1.650.391.000	551.159.912	
	4800	4801	Thu kết dư ngân sách	434.037.237	239.648.753	194.388.484	
	4900	4902	Thu hồi các khoản chi năm trước	241.148.753	239.648.753	1.500.000	



Mẫu số 09
(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục IV
TỔNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021, 2022
(Kèm theo Kết luận Thanh tra số 115/KL-TTTX ngày 17/6/2024 của Chánh thanh tra)

Đơn vị: đồng.

STT	NỘI DUNG	Năm 2021			Năm 2022			Ghi chú
		Dự toán	Thực hiện	Đạt (%)	Dự toán	Thực hiện	Đạt (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số chi	5.785.000.000	7.651.363.291	132,26	6.190.000.000	6.767.759.761	109,33	
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.080.000.000	1.189.299.396	110,12	1.204.000.000	1.363.710.453	113,26	
1.1	Chi dân quân tự vệ (Quân sự xã)	740.000.000	732.886.753	99,04	843.000.000	827.141.293	98,12	
1.2	Chi trật tự an toàn xã hội (Công an xã)	340.000.000	456.412.643	134,24	361.000.000	536.569.160	148,63	
2	Chi giáo dục	60.000.000	18.228.000	30,38	74.000.000	19.428.000	26,25	
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ							
4	Chi y tế							
5	Chi văn hóa, thông tin	32.000.000	18.000.000	56,25	39.000.000	23.474.700	60,19	
6	Chi phát thanh, truyền thanh	18.000.000	16.600.000	92,22	22.000.000	20.332.000	92,42	
7	Chi thể dục, thể thao	50.000.000		0,00	25.000.000	29.426.500	117,71	
8	Chi bảo vệ môi trường	50.000.000	49.670.000	99,34	60.000.000	69.900.000	116,50	
9	Chi các hoạt động kinh tế							
9.1	Giao thông							
9.2	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản							
9.3	Thị chính							
9.4	Thương mại, du lịch							
9.5	Các hoạt động kinh tế khác							
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	4.345.000.000	4.907.906.243	112,96	4.597.000.000	4.700.769.578	102,26	
10.1	Quản lý Nhà nước	2.593.100.000	2.959.517.820	114,13	2.739.000.000	2.758.387.980	100,71	
10.2	Đảng Cộng sản Việt Nam	646.000.000	629.958.678	97,52	677.000.000	687.349.556	101,53	
10.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	274.662.344	266.092.158	96,88	274.861.300	271.419.814	98,75	

STT	NỘI DUNG	Năm 2021			Năm 2022			Ghi chú
		Dự toán	Thực hiện	Đạt (%)	Dự toán	Thực hiện	Đạt (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
10.4	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	193.418.324	230.916.628	119,39	189.017.675	220.871.995	116,85	
10.5	Hội Liên hiệp Phụ nữ	197.521.744	236.144.543	119,55	188.975.575	215.114.486	113,83	
10.6	Hội Cựu chiến binh	137.400.344	163.266.908	118,83	155.769.875	170.528.943	109,47	
10.7	Hội Nông dân	169.897.244	204.481.008	120,36	173.975.575	201.090.804	115,59	
10.8	Chi hỗ trợ khác (nếu có)							
10.9	Chi hỗ trợ các hội ở xã	70.000.000	44.700.000	63,86	70.000.000	37.191.000	53,13	
10.10	Hội Chữ thập đỏ	15.000.000	67.248.500	448,32	44.700.000	39.485.000	88,33	
10.11	Hội Người cao tuổi	39.000.000	82.700.000	212,05	74.700.000	74.700.000	100,00	
10.12	Hội Khuyến học	9.000.000	22.880.000	254,22	9.000.000	24.630.000	273,67	
11	Chi công tác xã hội	40.000.000	1.410.014.302		49.000.000	443.788.945		
11.1	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác							
11.2	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa							
11.3	Trợ cấp xã hội							
11.4	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng							
11.5	Khác	40.000.000	1.410.014.302		49.000.000	443.788.945		
12	Chi khác							
13	Dự phòng	110.000.000		0,00	120.000.000		0,00	
14	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau		41.645.350			96.929.585		

*** Ghi chú:**

Cơ sở căn cứ kiểm tra:

- 1 Quyết định giao dự toán đầu năm.
- 2 Báo cáo quyết toán năm (Phụ lục 09).
- 3 Biên bản thẩm định quyết toán ngày 01/3/2022.
- 4 Thông báo thẩm định quyết toán số 227/TB-TCKH ngày 02/3/2022.



Phụ lục V

(Kèm theo Kết luận quả thanh tra số 115/KL-TTTX
ngày 17/6/2024 của Chánh thanh tra)

I. Quyết định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, tiếp nhận cán bộ, công chức năm 2021

1. Quyết định điều động và tiếp nhận công chức

- (1) Quyết định số 2867/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động công chức cấp xã (ông *Tổng Văn Bình*).
- (2) Quyết định số 8974/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển (bà *Dương Thị Thúy An*).
- (3) Quyết định số 9138/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động công chức cấp xã (ông *Phạm Văn Đạt*).
- (4) Quyết định số 9140/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động công chức cấp xã (ông *Phạm Thanh Hiền*).

2. Quyết định bổ nhiệm, điều động cán bộ, công chức

- (1) Quyết định số 49-QĐ/HND ngày 14/7/2021 của Chủ tịch Hội Nông dân huyện Tịnh Biên về việc công nhận chức danh UV BCH, UV BTV, Chủ tịch Hội Nông dân xã Núi Voi, nhiệm kỳ 2018-2023 đối với ông *Trần Văn Vinh*.
- (2) Quyết định số 38/QĐ-MTTQ-BTT ngày 16/7/2021 của Chủ tịch UBMTTQVN huyện Tịnh Biên về việc công nhận chức danh Chủ tịch UBMTTQVN xã Núi Voi, nhiệm kỳ 2019-2024 đối với ông *Nguyễn Thanh Liêm*.
- (3) Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc phê chuẩn kết quả bầu Phó Chủ tịch UBND xã Núi Voi, khóa V, nhiệm kỳ 2021-2026 đối với ông *Phạm Văn Tha*.
- (4) Quyết định số 337-QĐ/HĐTN ngày 15/9/2021 của Bí thư BCH Đoàn huyện Tịnh Biên về việc chuẩn y kết quả bầu bổ sung UV BCH, UV BTV và chức danh Bí thư Đoàn TNCS HCM xã Núi Voi, khóa XI, nhiệm kỳ 2017-2022 đối với ông *Trần Hoàng Dũng*.
- (5) Quyết định số 9132/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc phê chuẩn kết quả bầu Phó Chủ tịch UBND xã Núi Voi, khóa V, nhiệm kỳ 2021-2026 đối với ông *Trịnh Văn Mãi*.

II. Quyết định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, tiếp nhận cán bộ, công chức năm 2022

1. Quyết định điều động và tiếp nhận công chức

- (1) Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động công chức cấp xã đối với ông Nguyễn Trọng Tường, Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Núi Voi đến UBND xã Tân Lập.

- (2) Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động công chức cấp xã đối với bà Nguyễn Thị Thanh Thảo, Công chức Tư pháp- Hộ tịch xã Tân Lập đến UBND xã Núi Voi.

- (3) Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển đối với ông Trần Hoàng Dũng.

2. Quyết định bổ nhiệm, điều động cán bộ, công chức

- (1) Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động cán bộ, công chức cấp xã đối với ông Nguyễn Văn Thái, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBMTTQVN thị trấn Nhà Bàng đến nhận nhiệm vụ tại Đảng bộ xã Núi Voi theo Kết luận của Ban thường vụ Huyện ủy Tịnh Biên.

- (2) Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động cán bộ, công chức cấp xã đối với bà Thái Thị Diễm, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Núi Voi đến nhận nhiệm vụ tại Đảng bộ xã Tân Lợi theo Kết luận của Ban thường vụ Huyện ủy Tịnh Biên.

- (3) Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động cán bộ, công chức cấp xã đối với ông Phan Quang Diễn, Phó Bí thư Đảng ủy xã Núi Voi đến nhận nhiệm vụ tại Đảng bộ xã Văn Giáo theo Kết luận của Ban thường vụ Huyện ủy Tịnh Biên.

- (4) Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động cán bộ, công chức đối với ông Nguyễn Thanh Sơn, Phó Trưởng phòng Tư pháp huyện Tịnh Biên đến nhận nhiệm vụ tại Đảng bộ xã Núi Voi theo Kết luận của Ban thường vụ Huyện ủy Tịnh Biên.

- (5) Quyết định số 5686/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên về việc điều động cán bộ, công chức cấp xã đối với ông Nguyễn Văn Dương, Bí thư Đảng ủy xã Tân Lập đến nhận nhiệm vụ tại Đảng bộ xã Núi Voi theo Kết luận của Ban thường vụ Huyện ủy Tịnh Biên./.



Phụ lục VI

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 115/KL-TTXX
ngày 17/6/2024 của Chánh thanh tra)

I. Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021

1. Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 29/9/2021 của UBND phường Núi Voi về việc công tác theo dõi thi hành pháp luật về PCTN năm 2020 và 09 tháng đầu năm 2021.

2. Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 04/12/2021 của UBND phường Núi Voi về việc chấp hành pháp luật tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và PCTN năm 2021.

II. Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022

1. Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 28/01/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 01 năm 2022.

2. Báo cáo số 14/BC-UBND ngày 09/02/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 02 năm 2022.

3. Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 02/3/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 3 năm 2022.

4. Báo cáo số 17/BC-UBND ngày 02/3/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN Quý I năm 2022.

5. Báo cáo số 32/BC-UBND ngày 04/4/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 4 năm 2022.

6. Báo cáo số 40/BC-UBND ngày 04/5/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 5 năm 2022.

7. Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 03/6/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 6 năm 2022.

8. Báo cáo số 53/BC-UBND ngày 03/6/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN Quý II năm 2022.

9. Báo cáo số 54/BC-UBND ngày 03/6/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN 06 tháng đầu năm 2022.

10. Báo cáo số 74/BC-UBND ngày 01/7/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 7 năm 2022.

11. Báo cáo số 87/BC-UBND ngày 01/8/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 8 năm 2022.

12. Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 30/8/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 9 năm 2022.

13. Báo cáo số 107/BC-UBND ngày 30/8/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN Quý III năm 2022.

14. Báo cáo số 108/BC-UBND ngày 31/8/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN 9 tháng năm 2022.

15. Báo cáo số 126/BC-UBND ngày 30/9/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 10 năm 2022.

16. Báo cáo số 138/BC-UBND ngày 31/10/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 11 năm 2022.

17. Báo cáo số 157/BC-UBND ngày 31/11/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tháng 12 năm 2022.

18. Báo cáo số 158/BC-UBND ngày 30/11/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN Quý IV năm 2022.

19. Báo cáo số 159/BC-UBND ngày 30/11/2022 của UBND phường Núi Voi về việc công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN năm 2022./.
